

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua phương án kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách nhà nước do thành phố quản lý và phân bổ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019.

*Xét Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân thành phố, về việc thông qua phương án kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách nhà nước do thành phố quản lý và phân bổ; Báo
cáo thẩm tra số 10/BC-HĐND ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Ban Kinh tế - Xã hội
Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
Thành phố tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua phương án kế hoạch vốn đầu tư công trung
hạn giai đoạn 2021-2025 từ ngân sách nhà nước do thành phố quản lý và phân bổ,
cụ thể như sau:

1. Tổng thể về phương án:

- Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do thành phố
quản lý và phân bổ là 975,920 tỷ đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư là 968,420 tỷ đồng, phân bổ cho 43 công trình.

+ Tất toán công trình là 7,500 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 do tỉnh quản
lý và phân bổ là 200,600 tỷ đồng. Trong đó: vốn đầu tư là 200,600 tỷ đồng, phân
bổ cho 09 công trình.

(Có Phụ lục tổng hợp kèm theo)

2. Chi tiết phương án:

a) *Vốn ngân sách tập trung* do thành phố quản lý và phân bổ là 403,440 tỷ
đồng. Cụ thể:

- Vốn đầu tư là 395,940 tỷ đồng, phân bổ cho 23 công trình; trong đó:

+ Có 01 công trình sử dụng 03 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh, vốn tập trung thành phố và vốn kết dư ngân sách thành phố.

+ Có 03 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh và vốn tập trung thành phố.

+ Có 02 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn xổ số kiến thiết và vốn tập trung thành phố.

- Tất toán công trình là 7,500 tỷ đồng.

(Có Phụ lục số 01 kèm theo)

b) *Vốn sử dụng đất* do thành phố quản lý và phân bổ là 380,000 tỷ đồng. Trong đó: vốn đầu tư là 380,000 tỷ đồng, phân bổ cho 20 công trình:

- Có 02 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn sử dụng đất và vốn kết dư ngân sách thành phố.

- Có 01 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh và vốn sử dụng đất thành phố.

(Có Phụ lục số 02 kèm theo)

c) *Vốn Kết dư* do thành phố quản lý và phân bổ là 192,480 tỷ đồng. Trong đó: vốn đầu tư là 192,480 tỷ đồng, phân bổ cho 03 công trình:

- Có 02 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn sử dụng đất và vốn kết dư ngân sách thành phố.

- Có 01 công trình sử dụng 03 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh, vốn tập trung thành phố và vốn kết dư ngân sách thành phố.

(Có Phụ lục số 03 kèm theo)

d) *Vốn tỉnh* quản lý và phân bổ là 200,600 tỷ đồng, phân bổ cho 09 công trình. Trong đó:

- Vốn tỉnh hỗ trợ mục tiêu về cho thành phố quản lý và phân bổ là 191,400 tỷ đồng, phân bổ cho 07 công trình từ nguồn xổ số kiến thiết và nguồn tập trung:

+ Có 02 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn xổ số kiến thiết và vốn tập trung thành phố.

+ Có 01 công trình sử dụng 03 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh, vốn tập trung thành phố và vốn kết dư ngân sách thành phố.

+ Có 03 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh và vốn tập trung thành phố.

+ Có 01 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn tập trung tỉnh và vốn sử dụng đất thành phố.

- Vốn tỉnh quản lý và phân bổ là 9,200 tỷ đồng, phân bổ cho 02 công trình từ nguồn xổ số kiến thiết (có 02 công trình sử dụng 02 nguồn vốn: vốn xổ số kiến thiết và vốn sử dụng đất thành phố).

(Có Phụ lục số 04 kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ chỉ tiêu kế hoạch; đẩy nhanh tiến độ thanh, quyết toán công trình hoàn thành và điều hòa nội bộ kế hoạch vốn (*nếu cần thiết*), báo cáo lại Hội đồng nhân dân thành phố Sa Đéc tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sa Đéc khóa XII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 24 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND, UB MTTQ VN thành phố;
- Các ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu: VT. *VT*



CHỦ TỊCH

Phạm Văn Chuẩn



PHỤ LỤC TỔNG HỢP
TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố)

ĐVT: triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công GB 2021-2025	Số công trình	
A	Vốn Cân đối ngân sách địa phương	988.920	988.920	43	
A.1	Phân theo nguồn vốn	988.920	988.920	43	
A.1.1	Vốn Ngân sách Tập trung	403.440	403.440	23	Phụ lục 01 kèm theo
a	Vốn Phân bổ	395.940	395.940	23	
b	Tất toán công trình	7.500	7.500		
c	Dự phòng	0	0		
A.1.2	Vốn Thu tiền Sử dụng đất	380.000	380.000	20	Phụ lục 02 kèm theo
a	Vốn Phân bổ	380.000	380.000	20	
b	Dự phòng	0	0		
A.1.3	Vốn Kết dư Ngân sách thành phố	205.480	205.480		Phụ lục 03 kèm theo
a	Vốn Phân bổ	205.480	205.480		
b	Dự phòng	0	0		
A.2	Phân theo ngành và lĩnh vực	988.920	988.920	43	
1	Giáo dục và đào tạo	14.250	14.250	3	
2	Thể thao				
3	Văn hóa xã hội	2.650	2.650	1	
4	Thương mại du lịch				
5	Giao thông	887.413	887.413	31	
6	Cấp nước và dịch vụ công cộng				
7	Xử lý nước thải				
8	An ninh quốc phòng				
9	Quản lý nhà nước	52.820	52.820	6	
10	Nông nghiệp và phát triển nông thôn	24.287	24.287	2	
*	Tất toán hoàn thành công trình	7.500	7.500		
*	Dự phòng	0	0		
B	Nguồn vốn tỉnh	200.600	200.600	9	Phụ lục 04 kèm theo
B.1	Phân theo nguồn vốn	200.600	200.600	9	
B.1.1	Nguồn xã số kiến thiết	47.200	47.200	4	
	Vốn phân bổ	47.200	47.200	4	
B.1.2	Nguồn vốn tập trung	153.400	153.400	5	
	Vốn phân bổ	153.400	153.400	5	
B.2	Phân theo ngành và lĩnh vực	200.600	200.600	9	
1	Giáo dục và đào tạo	9.200	9.200	2	
2	Giao thông	178.000	178.000	4	
3	Quản lý nhà nước	13.400	13.400	3	
B	TỔNG CỘNG (A+B)	1.189.520	1.189.520	52	
B.1	Vốn phân bổ	1.182.020	1.182.020	52	
B.2	Tất toán công trình	7.500	7.500		
B.3	Dự phòng	0	0		

- Phụ lục 01: Phân bổ Kế hoạch vốn Ngân sách tập trung do Thành phố quản lý và phân bổ
- Phụ lục 02: Phân bổ Kế hoạch vốn Sử dụng đất do Thành phố quản lý và phân bổ.
- Phụ lục 03: Phân bổ Kế hoạch vốn kết dư ngân sách do Thành phố quản lý và phân bổ.
- Phụ lục 04: Phân bổ Kế hoạch vốn Tỉnh quản lý và phân bổ.



PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO THÀNH PHỐ PHÂN BỐ VÀ QUẢN LÝ
NGUỒN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tập trung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tập trung	Số công trình	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	20	21	22	23
	Tổng số								743.266	738.874		354.327	354.327	80.019	80.019	592.320	403.440	23	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...								743.266	738.874		354.327	354.327	80.019	80.019	592.320	403.440	23	
	* Chuẩn bị đầu tư															-	-	-	
	* Chuẩn bị thực hiện đầu tư và Thực hiện dự án								743.266	738.874		354.327	354.327	80.019	80.019	584.820	395.940	23	
	- Giáo dục và Đào tạo								-	-		-	-	-	-	-	-	-	
	- Giao thông								667.197	667.197		332.176	332.176	78.019	78.019	518.600	343.120	17	
	- Quản lý nhà nước								76.069	71.677		22.151	22.151	2.000	2.000	66.220	52.820	6	
	- Nông nghiệp								-	-		-	-	-	-	-	-	-	
	* Nguồn tài toán công trình								-	-		-	-	-	-	7.500	7.500	-	
	* Dự phòng ngân sách								-	-		-	-	-	-	-	-	-	
1	Chuẩn bị đầu tư																		
2	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và Thực hiện dự án								743.266	738.874		354.327	354.327	80.019	80.019	584.820	395.940	23	
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025								106.311	106.311		104.821	104.821	77.197	77.197	10.250	10.250	2	
	Giao thông								98.921	98.921	-	97.442	97.442	75.197	75.197	5.500	5.500	1	
1	Đường mới song song đường Nguyễn Sinh Sắc (từ Hùng Vương - ĐT 848 nối dài)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7479789	P2	Giao thông cấp III, dài 1.541,47m	2018-2021	QĐ 302/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/10/2015; QĐĐC 63/QĐ-UBND-XDCB ngày 05/4/2018	98.921	98.921	QĐ 237/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/10/2014; QĐĐC 248/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/8/2018; QĐ ĐC TGTĐ 225/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/12/2019	97.442	97.442	75.197	75.197	5.500	5.500	1	
	Quản lý nhà nước								7.390	7.390	-	7.379	7.379	2.000	2.000	4.750	4.750	1	

S TT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Nh óm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tập trung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn tập trung	Số công trình
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN						
2	Khu hành chính UBND Phường Tân Quy Đông	Ban QLDA và PTQĐ	C	7845447	TQĐ	Dân dụng, cấp III, 1 trệt 1 lầu	2020-2022	QĐ 196a/QĐ-UBND-XDCB ngày 28/10/2019	7.390	7.390	QĐ 212a/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/10/2019; QĐ ĐCTGTH 160/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/7/2021	7.379	7.379	2.000	2.000	4.750	4.750	1	
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025								636.955	632.563	-	249.506	249.506	2.822	2.822	574.570	385.690	21	
	Giao Thông								568.276	568.276	-	234.734	234.734	2.822	2.822	513.100	337.620	16	
3	Cầu Năm Nghi	Ban QLDA và PTQĐ	C	7838646	Xã TPĐ	Giao thông cấp IV, dài 30m, cầu tải trọng tấn	2021-2022	QĐ 168/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/6/2020; QĐĐC 74/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/5/2021	7.614	7.614	QĐ 365/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020; QĐĐC 128/QĐ-UBND-XDCB ngày 23/6/2021	7.599	7.599	270	270	7.200	7.200	1	
4	Đường xéo tre bờ trái	Ban QLDA và PTQĐ	C	7841143	Xã TPĐ	Giao thông cấp IV, dài 1.442,5m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 182/QĐ-UBND-XDCB ngày 02/7/2020	11.438	11.438	QĐ 366/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020; QĐ ĐC 129/QĐ-UBND-XDCB ngày 23/6/2021	9.996	9.996	60	60	9.440	9.440	1	
5	Nâng cấp mở rộng đường rạch chừa bờ phải (đoạn từ cầu Hai Đường – cầu Tâm Tả)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839885	AH	Giao thông cấp IV, dài 550 m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 162/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/06/2020	11.278	11.278	QĐ 368/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020; QĐ ĐC/QĐ-UBND-XDCB ngày 130 23/6/2021	10.306	10.306	440	440	9.160	9.160	1	
6	Nâng cấp đường Bùi Thị Xuân	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839884	TQĐ	Giao thông cấp IV, dài 1.296 m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 161/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/6/2020	7.166	7.166	QĐ 388/QĐ-UBND-XDCB ngày 08/12/2020	6.753	6.753	155	155	6.388	6.388	1	
7	Mở rộng đường Nguyễn An Ninh	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839883	TQĐ	Giao thông cấp IV, dài 1.487,96 m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 160/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/6/2020; QĐ ĐC 61/QĐ-UBND-XDCB ngày 12/5/2021	10.896	10.896	QĐ 369/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020; QĐĐC 150/QĐ-UBND-XDCB ngày 16/7/2021	10.891	10.891	170	170	10.000	10.000	1	
8	Đường Lưu Văn Lang (đoạn từ cầu Rạch Rắn đến Cầu Ngã Bát)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7840622	P2	Giao thông cấp IV, dài 137m	2021-2022	QĐ 170/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/6/2020	9.782	9.782	QĐ 371/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020	7.837	7.837	210	210	7.612	7.612	1	

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn tập trung	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn tập trung	Số công trình	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN							
9	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ kè Bình Tiên (giai đoạn 1) đến đường tắt bên xe)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7845362	P2	Giao thông cấp IV, dài 137m kè, nền, mặt đường, vỉa hè CTN cây xanh chiếu sáng	2023-2024	QĐ 173/QĐ-UBND-XDCB ngày 25/6/2020	11.778	11.778	QĐ 409/QĐ-UBND-XDCB ngày 23/12/2020	11.146	11.146	200	200	10.000	10.000	1		
10	Đường T3. Hạ tầng thủy sản (đoạn từ tỉnh lộ ĐT848 đến sông Tiên)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7838945	Xã TKĐ	Giao thông cấp III, chiều dài km, cầu tải trọng 10 tấn	2021-2023	QĐ 157/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/6/2020	72.386	72.386	QĐ 412/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/12/2020	65.168	65.168	757	757	64.200	34.200	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tỉnh HTMT(XSKT 30 tỷ), TT tp 34,2 tỷ	
11	Đường Phạm Hữu Lâu nối dài (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường ĐT 848)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7847512	AH	Giao thông cấp III, chiều dài 722m, cầu tải trọng 10 tấn	2021-2024	QĐ 178/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/06/2020	79.675	79.675	QĐ 60/QĐ-UBND-XDCB ngày 12/05/2021	79.636	79.636	314	314	71.000	71.000	1		
12	Đường N7 (đoạn từ đường Hoa Sa Đéc đến đường ĐT 848)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7840620	TQĐ, xã TKĐ	Giao thông cấp III, dài 1.086 m, cầu tải trọng 10 tấn, đường đô thị	2021-2023	QĐ 171/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/6/2020; QĐ ĐC 30/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/3/2021	152.830	152.830							144.600	7.120	1	Sử dụng 03 nguồn vốn: tỉnh HTMT (TT 90 tỷ), TT tp 7,12 tỷ, vốn KD 47,48 tỷ
13	Nâng cấp mở rộng đường Rạch Chùa Bờ trái (đoạn từ cầu Ba Nhạn - giáp Tân Phú Đông)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839012	AH	Giao thông cấp IV, dài 1 km, cầu tải trọng 05 tấn	2023-2024	QĐ 164/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/6/2020	5.184	5.184				36	36	4.500	4.500	1		
14	Hẻm 196, HM: nối dài hẻm 196 đến đường Hoàng Sa	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839010	P3	Giao thông cấp IV, dài 248m, cầu tải trọng 05 tấn	2023-2024	QĐ 165/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/6/2020	3.839	3.839				25	25	3.400	3.400	1		
15	Đường Đào Duy Từ (đoạn từ đường ĐT 848 đến rạch Ông Hộ)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7841781	AH	Giao thông cấp III, chiều dài 1.967m, cầu tải trọng 10 tấn	2022-2023	QĐ 180/QĐ-UBND-XDCB ngày 02/7/2020	79.911	79.911				75	75	71.500	71.500	1		
16	Đường Trường Sa	Ban QLDA và PTQĐ	C	7848215	P4	Giao thông, cấp III, chiều dài, cầu tải trọng 10 tấn	2023-2025	QĐ 213/QĐ-UBND-XDCB ngày 03/8/2020	79.897	79.897				110	110	71.100	71.100	1		
17	Đường ĐT 853 cũ đoạn qua thành phố Sa Đéc	Ban QLDA và PTQĐ	C	7860964	TPĐ	Giao thông, cấp IV, chiều dài 2,46km, thảm BTN nóng, mặt đường 5m	2020-2021	QĐ 262/QĐ-UBND-XDCB ngày 17/9/2020; QĐĐC 77/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/5/2021	13.349	13.349	QĐ 373/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020; QĐĐC 76/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/5/2021	13.064	13.064			11.500	3.500	1	BS mới, sử dụng 02 nguồn vốn: tỉnh HTMT(XSKT 8 tỷ); TT tp 3,5 tỷ	



PHỤ LỤC 02
PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO THÀNH PHỐ PHÂN BỐ VÀ QUẢN LÝ
NGUỒN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Số công trình		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN							
1	2	2	3	3	4	4	5	2	3	3	4	4	5	6	5	6	5	6	6	
	Tổng số								729.831	729.831	-	636.165	636.165	56.460	44.747	627.200	380.000	20		
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...								729.831	729.831	-	636.165	636.165	56.460	44.747	627.200	380.000	20		
	* Chuẩn bị đầu tư																			
	* Chuẩn bị thực hiện đầu tư và Thực hiện dự án								729.831	729.831	-	636.165	636.165	56.460	44.747	627.200	380.000	20		
	- Giáo dục và Đào tạo								78.415	78.415	-	28.399	28.399	12.000	-	62.450	14.250	3		
	- Giao thông								618.478	618.478	-	576.362	576.362	44.460	44.747	533.813	338.813	14		
	- Văn hóa - xã hội								7.358	7.358	-	6.650	6.650	-	-	6.650	2.650	1		
	- Nông nghiệp								25.580	25.580	-	24.754	24.754	-	-	24.287	24.287	2		
	* Dự phòng ngân sách																			
1	Chuẩn bị đầu tư																			
2	Chuẩn bị thực hiện đầu tư và Thực hiện dự án								729.831	729.831	-	636.165	636.165	56.460	44.747	627.200	380.000	20		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025								116.592	116.592	-	116.300	116.300	56.460	44.460	47.450	38.250	3		
	Giáo dục và Đào tạo								28.677	28.677	-	28.399	28.399	12.000	-	13.450	4.250	2		
1	Trường trung học cơ sở Hùng Vương (đối ứng)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7797789	P2	Dân dụng, cấp III, 06 PH và 04 PCN	2019- 2021	QĐ 188/QĐ- UBND-XDCB ngày 11/10/2019	13.683	13.683	QĐ 206/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/10/2019	13.588	13.588	5.000		6.930	2.530	1	Sử dụng 02 nguồn vốn: XSKT năm 2020 là 5 tỷ, năm 2021 4,4 tỷ và SDD 3 tỷ	
2	Trường trung học cơ sở Võ Thị Sáu (đối ứng)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7789008	P2	Dân dụng, cấp III, 18 PH, nhà VS, sân, đường nội bộ	2019- 2021	QĐ 148a/QĐ- UBND-XDCB ngày 04/9/2019	14.995	14.995	QĐ 205/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/10/2019	14.811	14.811	7.000		6.520	1.720	1	Sử dụng 02 nguồn vốn: XSKT năm 2020 7 tỷ, 2021 4,8 tỷ, SDD 2 tỷ	
	Giao thông								87.915	87.915	-	87.901	87.901	44.460	44.460	34.000	34.000	1		

S TT	Dan h mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: Vốn SDD	Số công trình
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN								
3	Đường Phạm Hữu Lầu nối dài (đoạn từ rạch Bà Nhị đến đường vành đai Tây Bắc)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7785470	PAH	Giao thông, cấp III dài 1,354km trọng tải 10 tấn	2019-2022	NQ 15/NQ-HBND ngày 10/10/2019	87.915	87.915	QĐ 210/QĐ-UBND-XDCB ngày 30/10/2019	87.901	87.901	44.460	44.460	34.000	34.000	1			
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025								613.239	613.239	-	519.866	519.866	-	287	579.750	341.750	17			
	Giáo dục và Đào tạo								49.737	49.737	-	-	-	-	-	49.000	10.000	1			
4	Trường tiểu học Phú Long (đối ứng)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7733568	TPĐ	Dân dụng cấp III, 01 trệt 01 lầu 18 phòng	2020-2022	QĐ 245a/QĐ-UBND-XDCB ngày 12/7/2017; QĐ ĐC 26/QĐ-UBND-XDCB ngày 09/3/2021	49.737	49.737						49.000	10.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn ĐK vốn Tỉnh 39 tỷ vốn SDD 10 tỷ		
	Văn hóa - Xã hội								7.358	7.358		6.650	6.650	-	-	6.650	2.650	1			
5	Nghĩa trang liệt sĩ thành phố	Phòng LĐ&TBXH	C	7900958	AH	Hạ tầng kỹ thuật, cấp IV	2021-2022	QĐ 70 /QĐ-UBND-XDCB ngày 18/5/2021	7.358	7.358	QĐ 133 /QĐ-UBND-XDCB ngày 25/6/2021	6.650	6.650			6.650	2.650	1	BS mới, sử dụng 02 nguồn vốn: Tỉnh 4 tỷ, vốn SDD 2,65 tỷ		
	Giao Thông								530.564	530.564	-	488.462	488.462	-	287	499.813	304.813	13			
6	Cầu và Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Ban QLDA và PTQĐ	B	7779221	P2; xã TPĐ	Giao thông cấp II, chiều dài km, cầu tải trọng 10 tấn	2021-2023	QĐ 140/QĐ-UBND-XDCB ngày 21/8/2019; QĐ ĐC 259/QĐ-UBND-XDCB ngày 16/9/2020	108.421	108.421	QĐ 374/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020	108.359	108.359			97.600	47.600	1	Sử dụng 02 nguồn vốn: tỉnh HTMT (TT 50 tỷ) và SDD 47,6 tỷ đồng		
7	Đường kênh Hai Liêu bờ phải	Ban QLDA và PTQĐ	C	7840621	Xã TQT	Giao thông cấp IV, dài 723,5m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 177/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/6/2020	6.298	6.298	QĐ 375/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020	5.678	5.678	35	5.257	5.257	1				
8	Đường Rạch Hai Đường (đoạn từ cầu Hai Đường đến kênh KC1)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839011	AH	Giao thông cấp IV, dài 905,15 m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 148/QĐ-UBND-XDCB ngày 16/6/2020	5.735	5.735	QĐ 291/QĐ-UBND-XDCB ngày 09/10/2020	5.611	5.611	36	4.800	4.800	1				
9	Đường Rạch Cao Mên dưới (đoạn từ Cao Mên dưới đến KDC Tân Hòa)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7839009	AH	Giao thông cấp IV, dài 858,9 m, cầu tải trọng 05 tấn	2022-2023	QĐ 159/QĐ-UBND-XDCB ngày 18/6/2020	5.819	5.819	QĐ 370/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020	5.571	5.571	36	1.056	1.056	1				
10	Đường Vườn Hồng	Ban QLDA và PTQĐ	C	7859652	P3	Giao thông, cấp IV chiều dài 508,04m, thảm nhựa	2021	QĐ 242a/QĐ-UBND-XDCB ngày 31/08/2020	1.462	1.462	QĐ 253/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/9/2020	1.462	1.462			1.400	1.400	1			

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn SDD	Số công trình
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN								
11	Đường Nguyễn Chí Thanh (đoạn từ đường ĐT 848 đến đường vành đai Tây Bắc và đoạn nối đến đường ĐT852)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7859653	TQT	Giao thông, cấp III chiều dài 2,7km, thảm nhựa mặt đường và cải tạo hồ thu nước	2021	QĐ 242/QĐ-UBND-XDCB ngày 31/08/2020	14.958	14.958	QĐ 256/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/9/2020	14.955	14.955			14.700	14.700	1			
12	Đường Phan Văn Trâm	Ban QLDA và PTQĐ	C	7841390	Xã TKĐ	Giao thông cấp IV, chiều dài 2,26 km, cầu tải trọng 5 tấn	2021-2022	QĐ 181/QĐ-UBND-XDCB ngày 02/7/2020	13.636	13.636	QĐ 372/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/11/2020	12.873	12.873	180		12.200	12.200	1			
13	Đường rạch Ngã Bát bờ phải	Ban QLDA và PTQĐ	C	7841450	Xã TPĐ	Giao thông cấp IV, dài 2.152,5m, cầu tải trọng 05 tấn	2021-2022	QĐ 187/QĐ-UBND-XDCB ngày 06/7/2020	10.382	10.382						9.100	9.100	1			
14	Đường Năm Nghi – Ba Làng (đoạn từ cầu Năm Nghi đến cầu Trường Quang)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7865928	Xã TPĐ	Giao thông, cấp IV chiều dài 2,884km tải trọng 5 tấn	2021-2022	QĐ 283/QĐ-UBND-XDCB ngày 01/10/2020	14.076	14.076						12.700	12.700	1			
15	Đường kênh 19 tháng 5	Ban QLDA và PTQĐ	C	7838928	Xã TKĐ và TQĐ	Giao thông cấp IV, chiều dài 3,37 km, cầu tải trọng 5 tấn	2021-2023	QĐ 163/QĐ-UBND-XDCB ngày 22/6/2020; QĐĐC 268/QĐ-UBND-XDCB ngày 24/9/2020; QĐ ĐC 68/QĐ-UBND-XDCB ngày 17/5/2021	29.264	29.264	QĐ 159/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/7/2021	29.132	29.132			26.000	26.000	1			
16	Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Sa Đéc (Khu số 1)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7846296	AH	Giao thông cấp III, dài..., cầu tải trọng 10 tấn	2021-2023	NQ 14/NQ-HĐND ngày 17/11/2020	166.582	166.582	QĐ 154/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/7/2021	165.938	165.938			165.000	89.000	1	Sử dụng 02 nguồn: SDD 89 tỷ và KD 76 tỷ		
17	Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Sa Đéc (Khu số 2)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7846295	AH	Giao thông cấp III, dài..., cầu tải trọng 10 tấn	2021-2023	NQ 15/NQ-HĐND ngày 17/11/2020	140.405	140.405	QĐ 155/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/7/2021	138.882	138.882			138.000	69.000	1	Sử dụng 02 nguồn: SDD 69 tỷ và KD 69 tỷ		
18	Đường Kênh Mương Chùa	Ban QLDA và PTQĐ	C	7907916	TQĐ	Giao thông cấp IV, dài 1.286m, cầu tải trọng 10 tấn	2021-2022	QĐ 258/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/9/2020; QĐĐC 136/QĐ-UBND-XDCB ngày 01/07/2021	13.526	13.526						12.000	12.000	1	BS mới		
Nông nghiệp									25.580	25.580	-	24.754	24.754	-	-	24.287	24.287	2			



PHỤ LỤC 04
PHƯƠNG ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2025 TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO TỈNH PHÂN BỐ VÀ QUẢN LÝ (XỐ SỔ KIẾN THIẾT)
VÀ VỐN TÌNH HỖ TRỢ MỤC TIÊU CHO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ VÀ PHÂN BỐ (NGUỒN VỐN TẬP TRUNG, XỐ SỔ KIẾN THIẾT)
(Kèm theo Nghị quyết số: 36/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2021 của HĐND thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025			Ghi chú
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn)	Vốn tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn tỉnh	Số công trình	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn)	Vốn NSNN						
1	Tổng số							9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A	NGÀNH, LĨNH VỰC, CHƯƠNG TRÌNH...								409.308	409.308	-	229.761	229.761	12.757	12.000	362.750	200.600	9	
	* Chuẩn bị đầu tư								409.308	409.308	-	229.761	229.761	12.757	12.000	362.750	200.600	9	
	* Thực hiện đầu tư																		
	- Giáo dục và Đào tạo								409.308	409.308	-	229.761	229.761	12.757	12.000	362.750	200.600	9	
	- Giao thông								28.677	28.677	-	28.399	28.399	12.000	12.000	13.450	9.200	2	
	- Quản lý nhà nước								346.985	346.985	-	186.591	186.591	757	-	317.900	178.000	4	
	* Dự phòng ngân sách								33.646	33.646	-	14.772	14.772	-	-	31.400	13.400	3	
1	Chuẩn bị đầu tư																		
2	Thực hiện dự án																		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 5 năm 2016-2020 sang giai đoạn 5 năm 2021-2025								409.308	409.308	-	229.761	229.761	12.757	12.000	362.750	200.600	9	
	Giáo dục và Đào tạo								28.677	28.677	-	28.399	28.399	12.000	12.000	13.450	9.200	2	
	Giáo dục và Đào tạo								28.677	28.677	-	28.399	28.399	12.000	12.000	13.450	9.200	2	
1	Trường THCS Võ Thị Sáu	Ban QLDA và PTQĐ	C	7791189	P2	Công trình dân dụng, cấp III, 01 trệt 02 lầu	2019- 2021	QĐ 188/QĐ-UBND- XDCB ngày 11/10/2019	13.683	13.683	QĐ 205/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/12/2019	14.811	14.811	5.000	5.000	6.520	4.800	1	Sử dụng 02 nguồn vốn (năm 2020 5 tỷ, năm 2021 XSKT 4,8 tỷ, SDĐ 2,53 tỷ)
2	Trường THCS Hùng Vương	Ban QLDA và PTQĐ	C	7789008	P1	Công trình dân dụng, cấp III, 01 trệt 02 lầu	2019- 2021	QĐ 148a/QĐ-UBND- XDCB ngày 04/9/2019	14.995	14.995	QĐ 206/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/12/2019	13.588	13.588	7.000	7.000	6.930	4.400	1	Sử dụng 02 nguồn vốn (XSKT năm 2020 7 tỷ, năm 2021 4,4 tỷ, SDĐ 2,53 tỷ)
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025								380.631	380.631	-	201.362	201.362	757	-	349.300	191.400	7	
	Giao Thông								346.985	346.985	-	186.591	186.591	757	-	317.900	178.000	4	
3	Cầu và Đường Nguyễn Tất Thành nối dài	Ban QLDA và PTQĐ	B	7779221	P2; xã TPĐ	Giao thông cấp II, chiều dài km, cầu tải trọng 10 tấn	2021- 2023	QĐ 140/QĐ-UBND- XDCB ngày 21/8/2019; QĐ ĐC 259/QĐ-UBND- XDCB ngày 16/9/2020	108.421	108.421	QĐ 374/QĐ-UBND- XDCB ngày 27/11/2020	108.359	108.359			97.600	50.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn: tỉnh HTMT (TT 50 tỷ), SDĐ 47,6 tỷ đồng
4	Đường N7 (đoạn từ đường Hoa Sa Đéc đến đường ĐT 848)	Ban QLDA và PTQĐ	B	7840620	TQĐ, xã TKĐ	Giao thông cấp III, dài 1.086 m, cầu tải trọng 10 tấn, đường đô thị	2021- 2023	QĐ 171/QĐ-UBND- XDCB ngày 24/6/2020; QĐ ĐC 30/QĐ-UBND- XDCB ngày 15/3/2021	152.830	152.830						144.600	90.000	1	Sử dụng 03 nguồn vốn: tỉnh HTMT (TT 90 tỷ), vốn TT 7,12 tỷ, vốn KD 47,48 tỷ
5	Đường T3. Hạ tầng thủy sản (đoạn từ tỉnh lộ ĐT848 đến sông Tiền)	Ban QLDA và PTQĐ	C	7838645	Xã TKĐ	Giao thông cấp III, chiều dài km, cầu tải trọng 10 tấn	2021- 2023	QĐ 157/QĐ-UBND- XDCB ngày 18/6/2020	72.386	72.386	QĐ 412/QĐ-UBND- XDCB ngày 30/12/2020	65.168	65.168	757		64.200	30.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tỉnh HTMT (Vốn XSKT 30 tỷ), Vốn TT TP 34,2 tỷ
6	Đường ĐT 853 cũ đoạn qua thành phố Sa Đéc	Ban QLDA và PTQĐ	C	7860964	TPĐ	Giao thông, cấp IV, chiều dài 2,46km, thảm BTN nóng, mặt đường 5m	2020- 2021	QĐ 262/QĐ-UBND- XDCB ngày 17/9/2020; QĐĐC 77/QĐ- UBND-XDCB ngày 26/5/2021	13.349	13.349	QĐ 373/QĐ-UBND- XDCB ngày 27/11/2020; QĐĐC 76/QĐ-UBND-XDCB ngày 26/5/2021	13.064	13.064			11.500	8.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tỉnh HTMT (XSKT 8 tỷ), TT tp 3,5 tỷ

S TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm	MSDA	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025			Ghi chú
								Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn)	Vốn tính	Tổng số (tất cả các nguồn)	Vốn tính	Số công trình	
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSNN		Tổng số (tất cả các nguồn)	Vốn NSNN						
	Quản lý nhà nước							33.646	33.646	-	14.772	14.772	-	-	31.400	13.400	3		
7	Trụ sở Ủy ban Nhân dân Phường 2	Ban QLDA và PTQĐ	C	7900931	P2	Dân dụng, cấp III, 01 trệt, 02 lầu	2021-2022	QĐ 99/QĐ-UBND-XDCB ngày 01/6/2021	14.773	14.773	QĐ 119/QĐ-UBND-XDCB ngày 15/6/2021	14.772	14.772			14.000	5.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tính HTMT (TT 5 tỷ), vốn TT tp 9 tỷ
8	Trụ sở Ủy ban Nhân dân Phường 3	Ban QLDA và PTQĐ	C	7900933	P3	Dân dụng, cấp III, 01 trệt, 02 lầu	2021-2022	QĐ 81/QĐ-UBND-XDCB ngày 27/5/2021	12.756	12.756					12.000	5.000	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tính HTMT (TT 5 tỷ), TT tp 7 tỷ	
9	Trụ sở làm việc UBND xã Tân Quy Tây	Ban QLDA và PTQĐ	C	7911257	TQT	Dân dụng, cấp III,	2021-2022	QĐ 157/QĐ-UBND-XDCB ngày 29/7/2021	6.117	6.117					5.400	3.400	1	Sử dụng 02 nguồn vốn tính HTMT (TT 3,4 tỷ), TT tp 2 tỷ	
	Nông nghiệp và phát triển nông thôn							-	-	-	-	-	-	-	-	-			
	* Dự phòng ngân sách																		

